



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đắk Lắk

Số 02+03

Ngày 09 tháng 01 năm 2024

MỤC LỤC

Trích yếu nội dung

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

07-12-2023	Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND quy định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	3
07-12-2023	Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND quy định nội dung, mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	11
07-12-2023	Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	15

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

29-12-2023	Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hạn mức một số loại đất; kích thước, diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân; việc rà soát, công bố công khai các thửa đất nhỏ hẹp bỏ Nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk.	18
------------	--	----

VĂN BẢN KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

07-12-2023	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2024; danh mục công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	23
------------	---	----

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2023/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ
khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng
ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa
học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của
Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và
công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí
ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung chuyên môn phục vụ
công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng
ngân sách Nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp
tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo
thăm tra số 272/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân
sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Các nội dung liên quan đến định mức chi lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước cấp tỉnh, cấp cơ sở không quy định tại Nghị quyết này, được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

c) Ngoài ra, Nghị quyết này còn quy định các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Dự toán chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ cấp tỉnh là 26.000.000 đồng/người/tháng, cấp cơ sở là 22.000.000 đồng/người/tháng.

b) Dự toán chi thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có) được áp theo quy định về mức lương tối thiểu vùng cao nhất tại địa phương (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

2. Dự toán chi thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cơ quan quản lý nhiệm vụ phê duyệt nội dung và dự toán thuê chuyên gia trong nước thì tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia không quá 30% tổng dự toán kinh phí quy định tại khoản 1 Điều này; trường hợp vượt quá quy định, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cơ quan quản lý nhiệm vụ phê duyệt nội dung và mức thù lao thuê chuyên gia ngoài nước thì tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia không quá 50% tổng dự toán kinh phí quy định tại khoản 1 Điều này; trường hợp vượt quá quy định, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

3. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu

a) Dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Người/buổi	1.500	1.000
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/buổi	400	300
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	2.000	1.200
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.000	700
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Thành viên/buổi	200	150

b) Các nội dung chi khác: Thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của

Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí.

4. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu: Thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên bàn tỉnh Đắk Lắk và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

5. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

6. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước nhưng tối đa không quá 150.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và 100.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 3. Định mức chi quản lý nhiệm vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Dự toán chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi hợp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng mở hồ sơ các nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.000	700
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng		700	500
	Thư ký khoa học		250	200
	Thư ký hành chính		250	200

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
	Đại biểu được mời tham dự		200	150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500	400
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		500	400
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		300	200
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.300	1.000
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.000	700
	Thư ký khoa học		250	200
	Thư ký hành chính		250	200
	Đại biểu được mời tham dự		200	150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500	400
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700	500
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		1.300	1.000

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.000	700
	Thư ký khoa học		250	200
	Thư ký hành chính		250	200
	Đại biểu được mời tham dự		200	150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500	400
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700	500
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.000	700

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Dự toán chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Dự toán chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	800	600
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	600	400
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	250	200
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200	150

b) Dự toán chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập: Tổng mức dự toán được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng

tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

5. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) được áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này.

6. Dự toán chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

a) Dự toán chi tham gia các cuộc họp Hội đồng tư vấn của cơ quan quản lý: Mức chi tối đa không quá 80% mức chi của thành viên hội đồng tương ứng.

b) Dự toán chi họp của Hội đồng khoa học cấp tỉnh, các Ban Chủ nhiệm và Ban thư ký: Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm, Trưởng ban: 600.000 đồng/người/buổi; Phó Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ nhiệm, Phó Trưởng Ban và thư ký: 500.000 đồng/người/buổi; Ủy viên Hội đồng: 400.000 đồng/người/buổi; Đại biểu: 200.000 đồng/người/buổi.

Mức chi hỗ trợ đối với cuộc họp Hội đồng khoa học và công nghệ cấp cơ sở áp dụng không quá 80% mức chi của Hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

c) Dự toán chi phí mời các chuyên gia, nhà khoa học ngoài tỉnh tham gia các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét giao trực tiếp, nghiệm thu cấp tỉnh, cấp cơ sở: Được hỗ trợ tiền công tác phí và phụ cấp lưu trú theo các quy định hiện hành.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ bố trí trong dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ hoặc đơn vị được giao quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2023 và bãi bỏ Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2023/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống
chủ lực quốc gia và giống khác theo Chương trình phát triển nghiên cứu,
sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp
giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

*Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 8 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nội dung
đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ “Phát triển sản xuất giống” theo Quyết
định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ khoản 1, Điều 6, Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12
năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết
toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong
Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành
nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030;*

*Xét các Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 và Tờ
trình số 197/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh
Đắk Lắk về dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi thực hiện các dự án
Phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Chương trình
phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp
giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 280/BC-*

HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này Quy định nội dung, mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tính từ thời điểm văn bản đó có hiệu lực thi hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập ở Trung ương và địa phương (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế được cấp thông qua chương trình, dự án hoặc dự toán thực hiện nhiệm vụ phát triển, sản xuất giống được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân cấp phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Nguồn đối ứng do tổ chức, cá nhân tham gia các chương trình, dự án phát triển, sản xuất giống đảm bảo.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí

Ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí theo phân cấp hiện hành để thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn, trong đó:

1. Ngân sách Nhà nước ưu tiên kinh phí triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực của tỉnh theo văn bản quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Dự án phát triển sản xuất giống được cấp có thẩm quyền phê duyệt; giống sử dụng trong dự án phải là giống được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3. Dự án phát triển sản xuất giống chưa nhận bất kỳ hỗ trợ nào từ nguồn ngân sách Nhà nước.

4. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo tiến độ thực hiện của dự án tương ứng với tỷ lệ đóng góp nguồn lực đối ứng theo cam kết của đơn vị và trong phạm vi dự toán ngân sách Nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Nội dung, mức chi

1. Đối với các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt để phát triển sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi, giống thủy sản chủ lực.

1.1. Ngân sách Nhà nước đảm bảo 100% kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện, căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật và quyết định phê duyệt dự án giống của cấp có thẩm quyền, gồm:

a) Nhập nội, mua bản quyền giống mới đối với những giống trong nước chưa có hoặc còn thiếu.

b) Bình tuyển cây đầu dòng, chọn lọc cây trội do các đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện.

c) Chăm sóc vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống để cung cấp vật liệu nhân giống do các đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện.

d) Nhập công nghệ sản xuất giống theo giá trị chuyển nhượng bản quyền, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia nước ngoài để tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và các chi phí khác có liên quan (nếu có).

đ) Hoàn thiện công nghệ sản xuất giống đối với các công nghệ đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

e) Đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ sản xuất giống.

g) Kiểm soát chất lượng giống: kiểm nghiệm, kiểm định chất lượng giống; thanh tra, kiểm tra thực thi pháp luật về giống; đào tạo, tập huấn ngắn hạn về quản lý giống; tuyên truyền sử dụng giống mới, giống đúng tiêu chuẩn chất lượng.

h) Kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình phát triển sản xuất giống; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình thực hiện phát triển sản xuất giống.

1.2. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí sản xuất giống thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật và quyết định phê duyệt dự án giống của cấp có thẩm quyền, cụ thể như sau:

a) Đối với lĩnh vực trồng trọt.

- Hỗ trợ 40% chi phí sản xuất giống; sản xuất giống bố mẹ dùng để sản xuất hạt lai F1.

- Hỗ trợ 30% chi phí sản xuất hạt lai F1, chi phí sản xuất cây giống từ vườn cây đầu dòng.

b) Đối với lĩnh vực chăn nuôi: Hỗ trợ 10% chi phí sản xuất giống bố mẹ.

c) Đối với lĩnh vực lâm nghiệp:

- Hỗ trợ 30% chi phí sản xuất giống.

- Hỗ trợ 30% chi phí nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô.

d) Đối với lĩnh vực thủy sản: Hỗ trợ 30% chi phí sản xuất giống.

2. Đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác chưa được quy định tại khoản 1 Điều này. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ theo chính sách của Chương trình này. Nội dung, tỷ lệ hỗ trợ 70% mức đảm bảo kinh phí và hỗ trợ kinh phí quy định tương ứng tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Danh mục các giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản được hỗ trợ

Căn cứ yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn cụ thể, giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành Danh mục các giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực và danh mục giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác để thực hiện hỗ trợ.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/2023/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ
đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 167/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 275/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh tham gia Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030 do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện Chương trình và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ tại Nghị quyết này do ngân sách Nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước hiện hành.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện và mức hỗ trợ

1. Nguyên tắc thực hiện hỗ trợ

Căn cứ vào khả năng cân đối nguồn lực và định hướng ưu tiên hỗ trợ trong từng thời kỳ, cơ quan có thẩm quyền quyết định số lượng tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được nhận hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc như sau:

a) Tổ chức, cá nhân có đơn đăng ký bảo hộ trước được hỗ trợ trước;

b) Tổ chức, cá nhân chỉ được hỗ trợ một lần trên mỗi đối tượng bảo hộ;

c) Việc hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

d) Việc hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) thực hiện theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

đ) Tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã có sản phẩm đã được hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 thì không được hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tại Nghị quyết này.

2. Mức hỗ trợ

a) Đối với đăng ký bảo hộ trong nước

- Đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: 27 triệu đồng/đơn;

- Đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu: 13,5 triệu đồng/văn bằng bảo hộ.

b) Đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài cho các đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này: 54 triệu đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan của tỉnh tích cực, chủ động hỗ trợ các tổ chức cá nhân trong thực hiện các thủ tục, quy trình đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Trường hợp các văn bản được viện dẫn thực hiện trong Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2023/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hạn mức một số loại đất; kích thước, diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa, hợp thửa cho hộ gia đình, cá nhân; việc rà soát, công bố công khai các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 371/TTr-STNMT ngày 17/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hạn mức một số loại đất; kích thước, diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa, hợp thửa cho hộ gia đình, cá nhân; việc rà soát, công bố công khai các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Tách thửa đất

1. Điều kiện tách thửa đất

a) Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận, trong thời hạn sử dụng đất, không có tranh chấp, quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án.

b) Việc chia tách thửa đất ở để hình thành thửa đất mới phải đảm bảo quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề theo quy định tại Điều 171 của Luật Đất đai năm 2013.

c) Diện tích của các thửa đất sau khi tách thửa phải bằng hoặc lớn hơn diện tích tối thiểu được quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 của Quy định này.

d) Thửa đất ở, đất thương mại, dịch vụ và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sau khi tách thửa phải có ít nhất 01 cạnh tiếp giáp với đường giao thông hoặc tiếp giáp với đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông hoặc lối đi

đã được thể hiện trên Giấy chứng nhận hoặc trên bản đồ địa chính tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận.

2. Không thực hiện tách thửa đất trong các trường hợp sau:

a) Đất nằm trong ranh giới các công trình, dự án có trong Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được phê duyệt mà phải thu hồi theo quy định tại Điều 61, Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 hoặc đất đã có thông báo thu hồi hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền.

b) Thửa đất ở không phù hợp quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Thửa đất có nguồn gốc nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ, trừ trường hợp thửa đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 theo quy định.

d) Thửa đất không đáp ứng điều kiện tách thửa quy định tại khoản 1 Điều này.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 9 như sau:

“1. Đối với các phường, thị trấn:

Thửa đất mới được hình thành sau khi tách thửa phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Diện tích: Tối thiểu 40 m²;

b) Kích thước: Cạnh tiếp giáp với đường giao thông hoặc đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông hoặc lối đi tối thiểu 3,0 mét, chiều sâu thửa đất tối thiểu 4,0 mét.

2. Đối với các xã:

Thửa đất mới được hình thành sau khi tách thửa phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Diện tích: Tối thiểu 60 m²;

b) Kích thước: Cạnh tiếp giáp với đường giao thông hoặc đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông hoặc lối đi tối thiểu 4,0 mét, chiều sâu thửa đất tối thiểu 6,0 mét.

3. Trường hợp tách thửa do thu hồi đất:

Trường hợp sau khi thu hồi đất, thửa đất còn lại phải đáp ứng các điều kiện sau đây mới được hình thành thửa đất mới:

a) Đối với các phường, thị trấn:

- Diện tích: Tối thiểu 20 m²;

- Kích thước: Cạnh tiếp giáp với đường giao thông hoặc đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông hoặc lối đi tối thiểu 3,0 mét, chiều sâu thửa đất tối thiểu 4,0 mét.

b) Đối với các xã:

- Diện tích: Tối thiểu 40 m²;

- Kích thước: Cạnh tiếp giáp với đường giao thông hoặc đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông hoặc lối đi tối thiểu 4,0 mét, chiều sâu thửa đất tối thiểu 6,0 mét.

Trường hợp không đủ điều kiện để hình thành thửa đất mới thì Nhà nước thu hồi toàn bộ thửa đất và bồi thường hỗ trợ theo quy định hoặc người sử dụng đất chuyển nhượng cho người sử dụng đất liền kề.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:

“1. Đối với đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác (trừ đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi):

a) Tại các phường, thị trấn: Thửa đất mới được hình thành sau khi tách phải có diện tích tối thiểu 500 m².

b) Tại các xã: Thửa đất mới được hình thành sau khi tách phải có diện tích tối thiểu 1.000 m².”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Hợp thửa đất

1. Các thửa đất liền kề, đủ điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Quy định này, cùng chủ sử dụng đất, cùng mục đích sử dụng đất, cùng thời hạn sử dụng đất thì được hợp thửa.

Trường hợp các thửa đất khác nhau về thời hạn sử dụng đất, nếu người sử dụng đất có nhu cầu hợp thửa thì người sử dụng đất chọn thời hạn sử dụng của thửa đất sau khi hợp thửa là thời hạn sử dụng của thửa đất có thời hạn ngắn nhất mà không phải thực hiện điều chỉnh thời hạn sử dụng đất.

2. Trường hợp thửa đất được tách có diện tích, kích thước nhỏ hơn diện tích, kích thước tối thiểu được phép tách thửa, kể cả vị trí không tiếp giáp với đường giao thông hoặc không tiếp giáp với đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông hoặc không tiếp giáp lối đi thì phải thực hiện đồng thời việc hợp thửa với thửa đất liền kề có cùng mục đích, thời hạn sử dụng đất.

3. Không thực hiện hợp thửa đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 8 của Quy định này.”

Điều 2. Thay thế cụm từ tại một số điều, khoản của Quy định hạn mức một số loại đất; kích thước, diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa, hợp thửa cho hộ gia đình, cá nhân; việc rà soát, công bố công khai các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk

1. Thay thế cụm từ “tối thiểu không nhỏ hơn” bằng cụm từ “tối thiểu” tại khoản 1, khoản 2 Điều 6.

2. Thay thế cụm từ “không nhỏ hơn” bằng cụm từ “tối thiểu” tại khoản 2 Điều 10; khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 12.

3. Thay thế cụm từ “thuộc hành lang an toàn giao thông” bằng cụm từ “thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng” tại Điều 13.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2024./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2024; danh mục công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 173/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2024; danh mục công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 276/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2023

của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2024; danh mục công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như sau:

1. Danh mục 351 công trình, dự án phải thu hồi đất với tổng diện tích khoảng 3.117,77 ha (*Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo*).

2. Danh mục 54 công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ với diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa 52,72 ha, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ 0,70 ha (*Chi tiết theo Phụ lục II kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Khi thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng phải đảm bảo đủ các điều kiện, tiêu chí theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP và các quy định của pháp luật về đất đai.

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung và số liệu trong các phụ lục đính kèm.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

Phụ lục I
DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA,
CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
	Tổng		3.117,77	
I	Thành phố Buôn Ma Thuột		511,24	
A	Công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2023 sang		508,75	
1	Dự án thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án Đường giao thông nối Quốc lộ 26 (km145+800)- QL14 - Tỉnh lộ 8 theo hình thức PPP hợp đồng BT	DKV	19,80	Phường Tân Lợi
2	Đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (đoạn qua thành phố Buôn Ma Thuột)	DGT	41,35	Các xã Hòa Phú, Hòa Khánh, Ea Kao
3	Hồ thủy lợi Ea Tam (Giai đoạn 1+2: Hạ tầng quanh Hồ thủy lợi Ea Tam)	DHT	9,20	Các phường Tự An, Tân Lập
4	Đường vào trụ sở làm việc Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao	DGT	0,68	Phường Tân An
5	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư đường 30/4, tổ dân phố 4, phường Thành Nhất	DHT	4,65	Phường Thành Nhất
6	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư khu đất thu hồi của Công ty 507, phường Tân Hòa	DHT	0,19	Phường Tân Hòa
7	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư đường 10 tháng 3, phường Tân Lợi	DHT	0,80	Phường Tân Lợi
8	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư đường Nguyễn Thị Định, phường Thành Nhất	DHT	4,92	Phường Thành Nhất
9	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Tổ liên gia 35, Tổ dân phố 4, phường Thành Nhất	DHT	11,42	Phường Thành Nhất
10	Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Nguyễn Đình Chiểu đến Trần Khánh Dư và đoạn từ Phan Trọng Tuệ đến đường Lê Quý Đôn	DGT	1,75	Các phường Tân Lợi, Thắng Lợi, Tân An

11	Đường giao thông trục chính khu công nghiệp Hòa Phú	DGT	1,97	Xã Hòa Phú
12	Đường Nguyễn Đình Chiểu nối dài	DGT	2,60	Phường Tân Lợi, xã Cư Êbur
13	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông vào khu du lịch thác Dray Sáp thượng và Dray Nur, xã Dray Sáp, huyện Krông Ana	DGT	4,21	Xã Hòa Phú
14	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 1 đoạn từ cầu Buôn Ky, thành phố Buôn Ma Thuột đến Km49+00	DGT	3,18	Các phường Tân Tiến, Thành Nhất
15	Dự án san nền, đền bù và đầu tư một số trục đường (CN2, CN3, CN4 nối dài và CN12) - Khu công nghiệp Hòa Phú	SKK	15,23	Xã Hòa Phú
16	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường Tân An (diện tích 3,2 ha), bổ sung phần khối lượng phát sinh của trường Đông Du và 1 đoạn qua đường Phạm Hùng	DGT	0,10	Phường Tân An
17	Nút thắt đường Lê Thánh Tông và đường Lý Thái Tổ	DGT	0,03	Các phường Thắng Lợi, Tân An
18	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 12, phường Tân An (khu chăn nuôi cũ)	DHT	3,14	Phường Tân An, xã Ea Tu
19	Đường Nguyễn Kim, phường Tân Thành (từ Mai Hắc Đế đến Y Ổn)	DGT	0,45	Phường Tân Thành
20	Đường Đặng Thái Thân, phường Tân Thành	DGT	0,08	Phường Tân Thành
21	Đường Hùng Vương (đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Nguyễn Văn Cừ), thành phố Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1) và Hạng mục: Di dời trụ điện	DGT	2,10	Các phường Tân Lập, Tụ An
22	Xây dựng cơ sở hạ tầng Thôn 3, xã Ea Tu (Điều chỉnh tăng diện tích theo quy hoạch chi tiết 1/500)	DHT	0,80	Xã Ea Tu
23	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Păn Lăm - Kôsiêr	DHT	5,77	Phường Tân Lập
24	Xây dựng Cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn 2, xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột	DHT	11,47	Xã Cư Êbur
25	Nâng cấp đập kết hợp đường giao thông trên đập hồ ông Thao, xã Ea Tu	DTL	0,10	Phường Tân An, xã Ea Tu
26	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thành phố Buôn Ma Thuột (đoạn nối dài)	DGT	1,95	Các phường Thành Nhất, Thành Công

27	Kiên cố hóa suối Ea Ngay (đoạn từ cầu Phạm Ngũ Lão đến hồ Buôn Đung) xã Cư Êbur	DTL	0,77	Phường Thành Công, xã Cư Êbur
28	Đường nối từ đường Hùng Vương (số 397 Hùng Vương) đến đường Trần Quý Cáp	DGT	1,00	Phường Tân Lập
29	Đường Hùng Vương (từ đoạn nối tiếp giai đoạn 1 đến đường Nguyễn Văn Cừ)	DGT	1,00	Phường Tân Lập
30	Đường Phan Huy Chú (từ đường 30/4 đến hết phường Khánh Xuân) - giai đoạn 1	DGT	2,50	Phường Khánh Xuân, xã Hòa Xuân
31	Mở rộng, nâng cấp đường D8, phường Tân An	DGT	0,36	Phường Tân An
32	Đường Tôn Đức Thắng nối dài (đoạn từ đường Đồng Khởi đến khu Xây dựng cơ sở hạ tầng 3,2 ha, phường Tân An)	DGT	1,80	Phường Tân An
33	Nâng cấp, mở rộng đường vào nghĩa trang thành phố Buôn Ma Thuột	DGT	0,50	Phường Tân Lợi
34	Nâng cấp, sửa chữa kênh Cao Thắng, xã Ea Kao	DTL	0,90	Xã Ea Kao
35	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 12, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột (bên cạnh Nhà máy Bia và Trung tâm Bảo trợ xã Hội tỉnh, 6ha)	DGT	0,74	Phường Tân An
36	Bồi thường, giải phóng mặt bằng và xây dựng vỉa hè tại góc đường Phan Bội Châu - Ngô Mây, phường Thống Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột	DGT	0,02	Phường Thống Nhất
37	Đầu tư xây dựng hoàn thiện đường nối với đường KV1 của dự án Khu Đô thị Km7, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột	DGT	0,26	Phường Tân An
38	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất trường hành chính cũ (thu hồi bổ sung)	DGT	0,55	Phường Ea Tam
39	Nâng cấp mở rộng đường 19 tháng 5 (giai đoạn 1)	DGT	9,60	Phường Ea Tam, xã Ea Kao
40	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tại phường Tân Lập (thuộc khu đô thị mới Đồi Thủy Văn và Trung tâm Thể dục thể thao)	DHT	19,10	Phường Tân Lập
41	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Tổ dân phố 6, phường Tân An	DHT	0,10	Phường Tân An
42	Xây dựng Cơ sở hạ tầng khu dân cư C6-C7, thuộc Quy hoạch Km7, phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột	DHT	0,13	Phường Tân Hòa
43	Xây dựng Cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn 11, xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột	DHT	0,50	Xã Hòa Thắng

44	Đường Ama Jhao nối dài (từ đường Hùng Vương đến trục đường số 17 thuộc quy hoạch khu đô thị mới Đồi Thủy văn và Trung tâm thể dục thể thao)	DGT	5,20	Phường Tân Lập
45	Đường nối từ đường Y Ôn đến đường Đặng Thái Thân và hẻm 119 Mai Hắc Đế (Đường giao thông tại khu vực công viên Sơn La)	DGT	0,31	Phường Tân Thành
46	Đường vào nghĩa trang thành phố tại xã Hoà Khánh	DGT	1,75	Xã Hoà Khánh
47	Đường trục chính Buôn Kom Leo xã Hoà Thắng	DGT	1,75	Xã Hòa Thắng
48	Mở rộng đường Y Ngông, đoạn Mai Xuân Thuồng - Tỉnh lộ 1	DGT	0,48	Phường Tân Tiến
49	Đường nối khu dân cư tổ dân phố 6, phường Tân An đến Nguyễn Văn Cừ (hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ)	DGT	0,35	Phường Tân Lập
50	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Tổ dân phố 4, phường Tân Lập	DHT	0,02	Phường Tân Lập
51	Đường nối từ đường Hà Huy Tập đến Quốc lộ 14 (đường Nguyễn Chí Thanh)	DGT	0,07	Phường Tân An
52	Đường Chu Văn An (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường Hà Huy Tập), thành phố Buôn Ma Thuột	DGT	0,10	Phường Tân Lợi
53	Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư thôn 1, xã Hòa Thắng	DHT	1,00	Xã Hòa Thắng
54	Nạo vét, nâng cấp đập, tràn, cống, đường vào đập hồ ông Và, xã Ea Tu.	DHT	9,00	Xã Ea Tu, phường Tân An
55	Đường giao thông vào vùng sản xuất quanh bãi rác xã Hoà Phú	DGT	2,50	Xã Hòa Phú
56	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị Hồ thủy lợi Ea Tam	DHT	20,00	Phường Tự An
57	Đường D7 nối từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Khu dân cư Hà Huy tập, thuộc Khu đô thị phía Bắc đường Vành đai phía Tây, phường Tân An	DGT	3,20	Phường Tân An
58	Đường dây 110kv và TBA 110/22kv Không Nô	DNL	0,07	Xã Hòa Phú
59	Thủy điện Hòa Phú	DNL	2,96	Xã Hòa Phú
60	Nâng công suất truyền tải đường dây 110Kv TBA 220Kv Không Búk - TP Buôn Ma Thuột	DNL	0,18	Các phường Tân Hòa, Tân Lập, Tân An và các xã Ea Tu, Hòa Thuận
61	Dự án Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm huyện, lỵ, thị xã, thành phố thuật, tỉnh Đắk Lắk	DNL	0,04	Các phường Tân Lập, Tân An, Tân Hòa, Ea Tam và xã Hòa Thắng

62	Đường giao thông nối Quốc lộ 26 (km145+800) - QL14 - Tỉnh lộ 8	DGT	6,26	Các phường Tân Hòa, Tân An, xã Ea Tu
63	Đường Giải Phóng, đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Bùng binh Km5, Quốc lộ 26 (đường N19)	DGT	5,10	Các phường Tân Lập, Tân An, Tân Hòa và xã Ea Tu
64	Cải tạo, nâng cấp khu mộ tập thể các anh hùng liệt sĩ tại Km7, phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột	DVH	0,03	Phường Tân Hòa
65	Mở rộng nghĩa trang xã Hòa Thuận	NTD	0,45	Xã Hòa Thuận
66	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Ea Tu (giai đoạn 1)	NTD	0,77	Xã Ea Tu
67	Nghĩa trang thành phố tại xã Hoà Khánh (giai đoạn 1)	NTD	31,00	Xã Hoà Khánh
68	Hội trường Tổ dân phố 9, phường Tự An	DSH	0,07	Phường Tự An
69	Khu dân cư Tây Nam - đường tránh phía Tây, thành phố Buôn Ma Thuột	KDV	15,49	Các phường Ea Tam, Khánh Xuân
70	Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc Đăk Lăk	KDV	6,82	Phường Tân An
71	Khu đô thị dịch vụ Cụm công nghiệp Tân An	KDV	0,18	Phường Tân Lợi
72	Khu dân cư nông thôn mới Hòa Thắng	DNT	26,79	Xã Hòa Thắng
73	Khu đất dọc hai bên đường N19 đường Giải Phóng, đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Bùng binh Km5	DTC	34,03	Các phường Tân Hòa, Tân Lập, Tân An và xã Ea Tu
74	Dự án WWINTOWN BAN MÊ tại phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột	KDV	7,20	Phường Tân Hòa
75	Dự án tại phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột (dự án NETREAL RIVERSIDE CITY)	KDV	30,00	Phường Tân Hòa
76	Dự án phát triển nhà ở hỗn hợp	KDV	44,00	Phường Tân Lợi, xã Cư ÊBur
77	Khu đô thị sinh thái văn hóa cà phê Suối Xanh (giai đoạn 2)	KDV	24,05	Các phường Thắng Lợi, Thành Công, Tân Lợi và xã Cư Êbur
78	Khu đô thị thương mại dịch vụ Ea Tam	KDV	39,76	Phường Ea Tam
B	Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2024		2,50	

79	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông Buôn M'Ê – Buôn niêng (giai đoạn 1)	DGT	1,90	Xã Hòa Phú
80	Cải tạo, nâng cấp đường hẻm 147 Giải Phóng	DGT	0,11	Phường Tân Tiến
81	Đường Chu Mạnh Trinh, phường Tân Thành	DGT	0,13	Phường Tân Thành
82	Cải tạo, nâng cấp đường Đỗ Nhuận, phường Tân Lợi (giai đoạn 1)	DGT	0,03	Phường Tân Lợi
83	Cải tạo, nâng cấp đường Dã Tượng (đoạn từ TDP 9 đến TDP 10 và đoạn từ đường Phạm Phú Thứ đến hết TDP 12), phường Tân An	DGT	0,01	Phường Tân An
84	Đường số 3 và thông tuyến Đường số 15, Khu Đô thị mới Trung tâm phường Tân Lợi (giai đoạn 1)	DGT	0,15	Phường Tân Lợi
85	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Trác, phường Tân Lợi (Giai đoạn 1)	DGT	0,07	Phường Tân Lợi
86	Cải tạo, nâng cấp đường Cao Đạt và đường Ysom Niê, phường Tân Lập	DGT	0,10	Phường Tân Lập
II	Thị xã Buôn Hồ		67,84	
A	Công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2023 sang		58,80	
87	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Buôn Hồ	TSC	0,36	Phường An Lạc
88	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 14 (đoạn từ Quốc Lộ 14 thuộc phường Đạt Hiếu đến suối A Jun, phường Thống Nhất), thị xã Buôn Hồ.	DGT	6,08	Phường An Bình, Đoàn Kết
89	Đường giao thông từ xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ đi KM111+950 Quốc lộ 26, xã Ea Phê, huyện Krông Pắc	DGT	2,11	Xã Bình Thuận
90	Nâng cấp, cải tạo Hồ Hà Cỏ, phường Bình Tân, thị xã Buôn Hồ	DTL	0,42	Phường Bình Tân
91	Nâng cấp công suất truyền tải đường dây 110KV TBA 220kV Krông Buk-Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk	DNL	0,26	Phường Đạt Hiếu, An Bình, Đoàn Kết, Thống Nhất, Bình Tân và xã Cư Bao
92	Mở rộng khu đô thị Đông Nam (Tổng diện tích dự án là 12,4 ha, trong đó diện tích đất nhà ở hiện trạng chỉnh trang có 0,27 ha)	KDT	12,13	Phường An Lạc
93	Khu dân cư đô thị phường Thiện An	KDT	18,75	Phường Thiện An
94	Khu Trung tâm thương mại, khu dân cư tại phường An Bình, Đạt Hiếu (Tổng diện tích dự án là 19,04 ha, trong đó diện tích đất ở hiện trạng, cải tạo chỉnh trang có 0,35 ha)	KDT	18,69	Phường An Bình, Đạt Hiếu
B	Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2024		9,04	

95	Via hè đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đầu đường Trần Hưng Đạo hướng đến trường TH Nguyễn Trãi)	DGT	0,00	Phường An Lạc
96	Nhà máy điện gió Buôn Hồ 1, Nhà máy điện gió Buôn Hồ 2 và Nhà máy điện gió Cư M'gar 2	DNL	8,30	Các phường Bình Tân, Thống Nhất, Đoàn Kết, An Bình, Đạt Hiếu và xã Cư Bao
97	Chợ Thống Nhất (tổng diện tích 2,1 ha, trong đó diện tích phải thu hồi là 0,74 ha)	DCH	0,74	Phường Thống Nhất
III	Huyện Buôn Đôn		114,82	
A	Công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2023 sang		98,58	
98	Mở rộng trường Mầm non Hòa Mi, buôn Ea Rông B	DGD	0,26	Xã Krông Na
99	Chỉnh trang đô thị trung tâm huyện Buôn Đôn (Công viên cây xanh trung tâm huyện - Cổng lâm phần - giai đoạn 2)	DKV	2,89	Xã Tân Hòa
100	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 1, đoạn từ cầu Buôn Ky, thành phố Buôn Ma Thuột đến Km49+00	DGT	4,68	Xã Krông Na
101	Đường giao thông Từ tỉnh lộ 1 vào công viên nghĩa trang Vĩnh Hằng An Lạc Viên, xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn	DGT	4,36	Xã Ea Nuôl
102	Công trình cấp nước sạch xã Krông Na, huyện Buôn Đôn	DTL	0,65	Xã Ea Huar
103	Hệ thống sử dụng nước Buôn Đôn từ hồ SrêPôk 3 qua 4 xã	DTL	17,39	Các xã Tân Hòa, Ea We, Ea Huar, Krông Na
104	Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh ĐăkLăk (JICA)	DNL	0,04	Các xã Ea Wer, Tân Hòa, Ea Bar
105	Điện mặt trời nổi KN Srêpôk 3	DNL	7,50	Xã Ea Nuôl
106	Bãi chôn lấp và xử lý chất thải rắn huyện Buôn Đôn - giai đoạn 1	DRA	3,00	Xã Ea Huar
107	Đường dây 110 kV đấu nối Nhà máy điện mặt trời Jang Pông	DNL	0,10	Các xã Krông Na, Ea Huar
108	Công viên nghĩa trang Vĩnh Hằng An Lạc Viên	NTD	55,13	Xã Ea Nuôl

109	Đấu giá quyền sử dụng đất các Lô A13, A14 trung tâm huyện	ONT	0,88	Xã Tân Hòa
110	Đấu giá quyền sử dụng đất lô A18 trung tâm huyện	ONT	1,70	Xã Tân Hòa
B	Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2024		16,24	
111	Đường giao thông trục chính vào khu du lịch sinh thái Buôn Đôn, xã Krông Na	DGT	0,13	Xã Krông Na
112	Đấu giá quyền sử dụng đất Lô A15 (K1-7) trung tâm huyện	ONT	4,30	Xã Tân Hòa
113	Khu dân cư giãn dân và cấp đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số theo chương trình 1719	ONT	11,81	Xã Ea Huar
IV	Huyện Cư Kuin		28,17	
A	Công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2023 sang		23,45	
114	Xây dựng Trụ sở Đảng ủy, HĐND - UBND và UBMTTQVN xã Ea Tiêu	TSC	0,90	Xã Ea Tiêu
115	Đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	DGT	7,29	Các xã Ea Tiêu, Ea Ktur
116	Hồ chứa nước Yên Ngựa	DTL	9,66	Xã Cư Êwi
117	Hạng mục bổ sung cửa xả thoát nước Km9+400 trên QL 27 thuộc gói thầu XL3 thuộc Dự án thành phần 3 - Dự án đầu tư sửa chữa và bổ sung hệ thống thoát nước mặt đường tại các vị trí cấp bách trên Quốc Lộ	DTL	0,70	Xã Ea Tiêu
118	Đường giao thông liên thôn từ thôn 10 đi thôn 23, xã Ea Ning	DGT	2,50	Xã Ea Ning
119	Dự án xây dựng cầu thác đá, xã Ea Hu	DGT	0,30	Xã Ea Hu
120	Đường giao thông liên thôn 1 đi thôn 2, xã Ea Hu	DGT	0,40	Xã Ea Hu
121	Đường giao thông trục CK13 nối trục CK14 TTHC huyện (KHU N1)	DGT	0,20	Xã Dray Bhang
122	Hệ thống thoát nước chống ngập Chợ Hòa Hiệp và trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	DTL	0,39	Xã Hòa Hiệp
123	Nhà văn hóa xã Ea Tiêu	DVH	0,60	Xã Ea Tiêu
124	Sân thể thao xã Ea Tiêu	DTT	0,51	Xã Ea Tiêu
B	Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2024		4,72	
125	Dự án trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND và UBMTTQVN xã Ea Hu, huyện Cư Kuin	TSC	0,40	Xã Ea Hu

126	Dự án xây dựng hệ thống tiêu nước dọc đường lô cao su từ Tỉnh lộ 10 đầu nối vào hệ thống thoát nước khu trung tâm hành chính huyện Cư Kuin	DTL	0,20	Xã Dray Bhang
127	Đường giao thông từ TL10, xã Dray Bhang đi xã Hoà Hiệp	DGT	2,20	Xã Hoà Hiệp
128	Đường giao thông trục CK 14 Khu TTHC huyện (GD1)	DGT	1,16	Xã Dray Bhang
129	Đường dây 110kV TBA 220kV Krông Ana (Cư Kuin) - trạm 110kV Krông Păk	DNL	0,02	Xã Ea Ktur
130	Nhà văn hóa xã Cư Êwi	DVH	0,30	Xã Cư Êwi
131	Nhà văn hóa xã Ea Hu	DVH	0,44	Xã Ea Hu
V	Huyện Cư M'gar		93,74	
A	Công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2023 sang		92,24	
132	Mở rộng Trường Tiểu học Phan Bội Châu và Sân thể thao	DGD	1,09	Xã Ea Drong
133	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên huyện Cư M'gar - Ea Súp	DGT	11,18	Ea Kiết
134	Đường giao thông liên huyện Cư M'gar - thị xã Buôn Hồ	DGT	18,52	Thị trấn Quảng Phú, xã Ea Drong, xã Cuôr Đăng
135	Công trình Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 29 (đoạn từ QL 14 huyện Krông Búk đến xã Krông Na, huyện Buôn Đôn) thuộc Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Lắk (đoạn qua địa bàn huyện Cư M'gar)	DGT	1,00	Các xã Ea Kiết, Ea Kuêh
136	Đường Hùng Vương nối dài (đoạn từ đường Kim Đồng, thị trấn Quảng Phú đến xã Ea Kpam) huyện Cư Mgar	DGT	1,00	Xã Ea Kpam, thị trấn Quảng Phú
137	Đầu tư xây dựng vỉa hè và xử lý ngập úng tỉnh lộ, đoạn tuyến thuộc địa phận xã Cư Suê, huyện Cư M'gar	DGT	3,85	Xã Cư Suê
138	Đường giao thông liên xã Ea Drong đi xã Quảng Tiến, huyện Cư M'gar	DGT	1,52	Xã Ea D'rong, Quảng Tiến
139	Đập dâng Ea Chuar 2, thị trấn Ea Pôk	DTL	0,14	Thị trấn Ea Pôk, xã Cư Suê
140	Nâng cấp, nạo vét hồ Ea Trum, xã Cư Suê, huyện Cư M'gar	DTL	0,14	Xã Cư Suê
141	Nâng cấp, sửa chữa hồ Buôn Za Wâm, xã Ea Kiết, huyện Cư M'gar	DTL	0,03	Xã Ea Kiết
142	Hạ tầng kỹ thuật khu dân dân cư tổ dân phố 8, thị trấn Quảng Phú (bổ sung)	DGT	0,31	Thị trấn Quảng Phú
143	Tiểu dự án Nâng cấp, xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ tưới cho cây trồng cận tỉnh Đắk Lắk, Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán - WEIDAP/ADB8. Công trình: Trạm bơm hồ Buôn Yông, thuộc xã Quảng Tiến, huyện Cư M'gar.	DTL	11,70	Xã Quảng Tiến

144	Trạm biến áp 500 kv Krông Búk (Cư M'gar) và đầu nối	DNL	33,20	Xã Ea Kiết
145	Đường dây 500kv Tubin khí Miền trung - Krông Búk	DNL	2,56	Các xã Ea Kiết, Ea Kuêh
146	Đường dây 500 kv Krông Búk - Tây Ninh	DNL	3,80	Các xã Ea Kiết, Ea M'Drôh, Quảng Hiệp
147	Nhà máy điện gió Buôn Hồ 1, Nhà máy điện gió Buôn Hồ 2 và Nhà máy điện gió Cư M'gar 2	DNL	2,20	Xã Ea Tul
B	Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2024		1,50	
148	Trụ sở Kho bạc Nhà nước Cư Mgar	TSC	0,40	Thị trấn Quảng Phú
149	Trụ sở làm việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cư M'gar	TSC	0,37	Thị trấn Quảng Phú
150	Đường tránh Đông Buôn Ma Thuột	DGT	0,50	Xã Cuôr Đăng
151	Tiểu dự án Cải tạo và phát triển điện phân phối tỉnh Đắk Lắk (vay vốn JICA) khu vực huyện Cư M'gar	DNL	0,23	Toàn huyện
VI	Huyện Ea H'leo		675,58	
A	Công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2023 sang		645,57	
152	Mở rộng trường Mẫu giáo Tuổi ngọc	DGD	0,20	Xã Cư Amung
153	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	DNL	0,05	Xã Ea Wy
154	Hồ Ea Khal 1, 2	DTL	1,10	Xã Ea Nam
155	Hồ Ea Znin	DTL	0,60	Xã Ea Sol
156	Hồ Ea Khal (Hồ chứa nước Ea Khal GD 1)	DTL	480,66	Các xã Ea Tir, Cư Amung
157	Tiểu dự án Nâng cấp, xây dựng hệ thống tưới phục vụ tưới cho cây trồng cận tỉnh Đắk Lắk, nằm trong dự án “ Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8)”. Công trình: Trạm bơm tưới hồ Thị trấn, thuộc xã Dliê Yang và Thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'Leo.	DTL	6,90	Thị trấn Ea Drăng, xã Dliê Yang
158	Hệ thống kênh mương hồ Ea H'leo 1	DTL	55,34	Xã Ea H'Leo
159	Đường liên huyện Ea H'Leo - Krông Năng (đoạn từ xã Dliê Yang, Ea Hiao, huyện Ea H'Leo đi xã Ea Tân, huyện Krông Năng)	DGT	12,85	Xã Ea Hiao
160	Nâng cấp, sửa chữa Hồ Phù Mỹ	DTL	13,00	Xã Cư Mốt
161	Dự án Đập sinh Mây	DTL	4,30	Xã Cư Amung

162	Dự án Thủy lợi Ea Khal hạ	DTL	8,00	Xã Ea Tir
163	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Cụm CN Ea Ral	DGT	3,00	Xã Ea Ral
164	Mở rộng đường giao thông TDP 9 (liền kề Trụ sở CA huyện)	DGT	0,02	Thị trấn Ea Drăng
165	Mở rộng nút giao thông Nguyễn Chí Thanh - Nơ Trang Long	DGT	0,02	Thị trấn Ea Drăng
166	Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Đắk Lắk	DNL	0,14	Các xã Ea Sol, Ea Khal, Dliê Yang, Ea Hiao, Ea Wy, Cư Mốt, Ea H'leo
167	Khu dân cư đô thị TDP 9, 10 thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk	DHT	27,08	Thị trấn Ea Drăng
168	Đường dây điện 500kv Tubin khí miền trung	DNL	7,34	Xã Dliê Yang
169	Nâng khả năng truyền tải Đz 110kv Krông Búk - Ea H'Leo	DNL	0,34	Các xã Ea Nam, Dliê Yang, Ea Khal và Ea Hiao
170	Đường dây điện 220kv Krông Búk-Pleiku 2 mạch 2	DNL	2,35	Thị trấn Ea Drăng và các xã Ea H'Leo, Ea Ral, Dliê Yang, Ea Khal, Ea Nam
171	Xây dựng móng trụ điện đường dây 110kV đấu nối đường dây 110kv EaH'leo - Krông Buk thuộc dự án Trang trại Phong điện Tây Nguyên - Giai đoạn 1	DNL	0,11	Xã Dliê Yang
172	Xây dựng móng trụ điện đường dây 22kV kết nối các tuabin gió thuộc dự án Trang trại Phong điện Tây Nguyên - Giai đoạn 1	DNL	0,35	Xã Dliê Yang
173	Nhà máy điện gió Ea Nam (hạng mục: Đường giao thông mở rộng, mở mới tại xã Ea Nam, Dliê Yang, Ea Khal; Hành lang đường điện 500kV, 33kV)	DGT	2,00	Các xã Ea Nam, Dliê Yang, Ea Khal
174	Nâng cấp sửa chữa hồ Ea Be, xã Dliê Yang, huyện Ea H'leo	DTL	1,75	Các xã Dliê Yang, Ea Nam
175	Nhà văn hóa xã Cư A Mung	DVH	0,20	Xã Cư Amung
176	Sân vận động Trung tâm xã Cư A Mung	DTT	2,00	Xã Cư Amung
177	Dự án sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Cư A Mung huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk	ONT	9,57	Xã Cư Amung
178	Dự án sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Ea Tir, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk	ONT	6,30	Xã Ea Tir

B	Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2024		30,01	
179	Đập thủy lợi thôn 4, xã Ea Tir, huyện Ea H'leo	DTL	8,01	Xã Ea Tir
180	Mở rộng bãi rác huyện - xã Ea Khal	DRA	3,00	Xã Ea Khal
181	Đường vào hồ Ea Be	DGT	0,20	Xã Dliê Yang
182	Mở rộng nghĩa trang nhân dân liên xã	NTD	6,00	Thị trấn Ea Drăng
183	Nghĩa địa xã Ea H'Leo	NTD	11,00	Xã Ea H'leo
184	Mở rộng nghĩa địa buôn Lê Đá	NTD	0,60	Thị trấn Ea Drăng
185	Đài tưởng niệm chiến thắng Cẩm Ga - Thuận Mẫn	DVH	0,70	Xã Dliê Yang
186	Dự án Hạ tầng điểm dân cư nông thôn buôn Đung B, xã Ea Khăl, huyện Ea H'leo	DGT	0,50	Xã Ea Khăl
VII	Huyện Ea Kar		871,33	
A	Công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2023 sang		871,27	
187	Xây dựng trụ sở làm việc xã Ea Păl	TSC	0,66	Xã Ea Păl
188	Đường dân sinh tránh ngập hồ Ea Rót (gồm cả cầu), thuộc Hợp phần Bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư Dự án Hồ chứa nước Krông Pách Thượng.	DGT	6,05	Xã Cư Elang
189	Trạm bơm hồ đôi 500 - Tiểu dự án Nâng cấp, xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ tưới cho cây trồng cận tỉnh Đăk Lăk, Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán - WEIDAP/ADB8	DTL	2,03	Xã Xuân Phú
190	Dự án Hồ Krông Pách Thượng giai đoạn 2	DTL	96,71	Các xã Cư Bông, Cư Yang, Cư Prông, Ea Păl, Cư Ni, Ea Ô, Cư Elang

191	Kênh Chính Nam - Dự án hồ chứa nước Krông Pách Thượng	DTL	1,60	Xã Cư Elang, Cư Bông
192	Hệ thống công trình tiêu thoát nước khắc phục ngập úng của hệ thống kênh hồ Ea Rót, thuộc hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư dự án hồ chứa nước Krông Pách Thượng	DTL	1,00	Xã Cư Elang
193	Hạng mục Kênh DN1-2, thuộc hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư dự án hồ chứa nước Krông Pách Thượng	DTL	0,37	Xã Cư Elang
194	Hồ đội 2 - dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Đăk Lăk	DTL	0,22	Xã Ea Ô, Ea Kmút
195	Sắp xếp ổn định dân di cư tự do cho đồng bào Mông xã Ea Đăh, huyện Krông Năng (thuộc hạng mục đầu tư: Đập dâng, kênh mương, đường giao thông)	DGT	1,95	Xã Ea Sar, Ea Sô
196	Cầu Hàm long, xã Xuân Phú, huyện Ea Kar	DGT	0,35	Xã Xuân Phú
197	Đường giao thông từ Quốc lộ 26 đi xã Ea Ô, huyện Ea Kar kết nối trung tâm xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc	DGT	13,99	Xã Ea Kmút, Ea Ô
198	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu trung tâm xã Ea Ô, huyện Ea Kar (Trục đường D12 đi qua hộ nhà các ông: Đôn, Việt, Ngọ)	DGT	0,05	Xã Ea Ô
199	Đường nội bộ trụ sở HĐND-UBND xã Ea Păl	DGT	0,24	Xã Ea Păl
200	Đường từ thôn 7, xã Cư Ni đi khu hành chính mới	DGT	3,01	Xã Cư Ni, Ea Đar
201	Đường từ Quốc lộ 26 (Buôn Sứk) đi thôn 4 xã Cư Ni	DGT	1,95	Xã Cư Ni, Ea Đar
202	Đường trục chính lộ giới 36m phía Tây khu HC đi Bà Triệu	DGT	5,83	Xã Cư Ni, Ea Đar
203	Đường thôn 3 Cư Ni đi Khu Trung tâm hành chính	DGT	2,25	Xã Cư Ni, Ea Đar
204	Đường từ trung tâm Khu HC đi hội trường thôn 3, xã Cư Ni	DGT	2,41	Xã Cư Ni, Ea Đar
205	Đường từ xã Cư Ni đi Ea Đar	DGT	3,10	Xã Cư Ni, Ea Đar
206	Đường từ thị trấn Ea Kar đi Cư Huê	DGT	1,43	Thị trấn Ea Kar, xã Cư Huê
207	Đường N6 Khu trung tâm hành chính mới huyện Ea Kar	DGT	0,78	Xã Ea Đar
208	Đường N8 Khu trung tâm hành chính mới huyện Ea Kar	DGT	0,53	Xã Ea Đar
209	Đường D2, N9 khu TTHC mới	DGT	1,09	Xã Ea Đar
210	Đường D5, N4 khu TTHC mới huyện Ea Kar	DGT	0,59	Xã Ea Đar

211	Đường D4 khu TTHC mới huyện Ea Kar (phần ngoài khu 50 ha)	DGT	1,74	Xã Ea Đar
212	Đường N2, D7 khu TTHC mới huyện Ea Kar	DGT	1,27	Xã Ea Đar
213	Đường N3 khu TTHC mới huyện Ea Kar	DGT	1,90	Xã Ea Đar
214	Đường phía Tây hồ Ea Kar đi đập hồ C10	DGT	1,15	Xã Ea Kmút
215	Đường giao thông D30, D31 khu trung tâm hành chính mới	DGT	0,30	Xã Ea Đar
216	Đường giao thông D26, D27 khu trung tâm hành chính mới	DGT	0,30	Xã Ea Đar
217	Đường giao thông D8 khu trung tâm hành chính mới	DGT	0,30	Xã Ea Đar
218	Đường giao thông N14, N15, N16 - D11 khu trung tâm hành chính mới	DGT	1,10	Xã Ea Đar
219	Đường giao thông N18 khu trung tâm hành chính mới	DGT	0,20	Xã Ea Đar
220	Nâng cấp hồ Ea Bư	DTL	4,34	Xã Cư Huê
221	Hạ tầng cảnh quan khu vực đầu mối Hồ Ea Kar	DHT	0,19	Thị trấn Ea Kar
222	Công trình thay cột BTLT bằng cột sắt đường dây 110kV	DNL	0,01	Thị trấn Ea Kar
223	Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Đắk Lắk (JICA)	DNL	0,68	Thị trấn Ea Kar, thị trấn Ea Knốp, các xã: Ea Ô, Ea Đar, Ea Sô, Xuân Phú, Ea Tih, Cư Ni, Cư Elang, Cư Huê, Ea Kmút
224	Nhà máy Thủy điện Ea Tih	DNL	21,17	Các xã Ea Tih, Ea Sô, Ea Sar và thị trấn Ea Knốp
225	Mở rộng nghĩa trang thôn 13, xã Ea Đar	NTD	2,60	Xã Ea Đar
226	Nghĩa trang thôn Ninh Thanh 1, xã Ea Kmút	NTD	1,80	Xã Ea Kmút
227	Mở rộng Chợ huyện Ea Kar	DCH	1,62	Thị trấn Ea Kar

228	Khu vực cánh đồng màu, Khu tái định Canh số 1, thuộc Hợp phần Bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư Dự án Hồ chứa nước Krông Pách Thượng	HNK	42,30	Xã Cư Elang
229	Khu tái định canh số 2, xã Cư Bông, thuộc hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư thuộc Dự án Hồ chứa nước Krông Pách Thượng tỉnh Đắk Lắk (Đã bao gồm đường nối với ĐH-02)	KNN	479,68	Xã Cư Bông
230	Khu đô thị Meyhomes - Ea Kar	DNT	71,20	Xã Ea Đar
231	Đầu tư xây dựng kè và san nền khu trung tâm hành chính mới huyện Ea Kar	KDV	24,23	Xã Ea Đar
232	Cụm công nghiệp Ea Ô	SKN	65,00	Xã Ea Ô
B	Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2024		0,06	
233	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Ea Ô (Đường N7)	DGT	0,06	Xã Ea Ô
VIII	Huyện Ea Súp		230,48	
A	Công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2023 sang		103,85	
234	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	DNL	0,04	Xã Ia Jloi
235	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk sử dụng nguồn vốn Trung ương (GĐ 2), giai đoạn 2015 - 2020	DNL	0,05	Xã Ia Jloi, Ea Bung
236	Nâng cấp, kiên cố hệ thống kênh nhánh của kênh chính Đông và kênh chính Tây công trình thủy lợi Ea Súp	DTL	0,04	Xã Ea Lê, Ea Rốc
237	5 tuyến kênh có Ft tưới <150,0 ha thuộc dự án thủy lợi Hồ chứa nước Ia Mor; Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	DTL	2,42	Xã Ia Lốp
238	Cải tạo, Nâng cấp đường giao thông liên huyện Cư M'gar - Ea Súp	DGT	20,60	Thị trấn Ea Sup, xã Cư Mlan
239	Đường giao thông nối từ ngã ba Quảng Đại, xã Ea Rốc đi Quốc lộ 14C, huyện Ea Súp	DGT	12,00	Xã Ea Rốc, xã Ya Tờ Môt
240	Xây dựng mới cầu Cây Sung (Km78+400), cầu Trắng (Km79+700) và đoạn tuyến kết nối giữa hai cầu thuộc Tỉnh lộ 1	DGT	2,70	Xã Ea Rốc, Ia Jloi
241	Đường giao thông liên xã Ia Lốp - Ia Rvê (đoạn từ Đoàn KTQP 737 xã Ia Rvê)	DGT	1,97	Xã Ia Lốp, Ia Rvê

242	Gói thầu số 41A thuộc Dự án công trình thủy lợi Hồ chứa nước Ea Súp Thượng, hợp phần hệ thống kênh chính Tây, hạng mục kênh và công trình kênh cấp 1 có F tưới < 150 ha đến mặt ruộng	DTL	10,91	Xã Ia RVê
243	Gói thầu số 41B thuộc Dự án công trình thủy lợi Hồ chứa nước Ea Súp Thượng, hợp phần hệ thống kênh chính Tây, hạng mục kênh và công trình kênh cấp 1 có F tưới < 150 ha đến mặt ruộng	DTL	5,66	Xã Ia RVê
244	Đường Chu Văn An - Nơ Trang Long - Hồ Xuân Hương, thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp	DGT	0,40	Thị trấn Ea Súp
245	Dự án: Mở rộng, nâng cấp đường liên xã từ trung tâm thị trấn Ea Súp đi xã Ea Bung, huyện Ea Súp	DGT	0,36	Thị trấn Ea Súp, xã Ea Bung
246	Kiên cố hóa kênh N26, xã Ea Rốc, thuộc hệ thống kênh chính Đông, công trình thủy lợi Ea Súp thượng, huyện Ea Súp	DTL	0,36	Xã Ea Rốc
247	Tiểu dự án cải tạo và nâng cấp lưới điện phân phối tỉnh Đắk Lắk (vay vốn JICA) khu vực huyện Ea Súp	DNL	0,10	Xã Cư Kbang, Ea Rốc, Ea Lê, Ia Jloi, Ia Rvê
248	Nghĩa trang nhân dân huyện Ea Súp	NTD	30,00	Xã Cư Mlan
249	Di dân khẩn cấp vùng lũ ống, lũ quét sạt lở đất cụm dân cư lưu vực xả lũ hồ Ea Súp hạ, thị trấn Ea Súp	DTC	13,28	Thị trấn Ea Súp
250	Đường giao thông Cụm công nghiệp Ea Lê, huyện Ea Súp	SKN	2,97	Xã Ea Lê
B	Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2024		126,63	
251	Đường thi công kết hợp quản lý và đường điện thuộc các xã Cư Kbang, Ea Lê (GD 1)	DGT	11,52	Xã Cư Kbang, Ea Lê
252	Hồ chứa nước IaMor giai đoạn 2 (hoàn thiện hệ thống kênh , có Ft>150ha) tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk	DTL	54,19	Xã Ia Lốp
253	Hệ thống kênh và CTKC có F tưới < 150 ha (địa bàn tỉnh Đắk Lắk) thuộc dự án công trình thủy lợi hồ chứa nước Ia Mor giai đoạn 2	DTL	41,51	Xã Ia Lốp
254	Di dân khẩn cấp vùng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất cụm dân cư thôn 4, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 10 và thôn 12 xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp	DHT	15,75	Xã Ya Tờ Mốt; Ea Bung
255	Đường giao thông từ thôn 4 đi thôn 12, 15 xã Ea Lê, huyện Ea Súp	DGT	3,66	Xã Ea Lê
IX	Huyện Krông Ana		32,66	
A	Công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2023 sang		26,46	

256	Xây dựng dự án TBA 110Kv Lắc và đầu nối	DNL	0,25	Thị trấn Buôn Tráp và các xã Đur Kmăl, Băng Adrênh
257	Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 2 đoạn Km6+431 - Km22+550	DGT	4,41	Các xã Dray Sáp, Ea Na, Ea Bông
258	Hệ thống trạm bơm và công trình thủy lợi Đur Kmăl, xã Đur Kmăl huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	DTL	16,80	Xã Đur Kmăl
259	Xây dựng trạm bơm buôn tráp 6 và hệ thống kênh tưới khu vực Thác Đá, thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana	DTL	0,50	Thị trấn Buôn Tráp
260	Đường giao thông cánh đồng Tháng 10 thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana	DGT	1,40	Thị trấn Buôn Tráp
261	Nâng cấp đường giao thông từ thị trấn Buôn Tráp đi Buôn Tơ Lơ, huyện Krông Ana	DGT	0,50	Thị trấn Buôn Tráp
262	Xây dựng trạm bơm Buôn Tráp 5 và hệ thống kênh tưới cánh đồng tháng 10, huyện Krông Ana	DTL	0,60	Thị trấn Buôn Tráp
263	Sửa chữa (mở rộng) nghĩa trang buôn Krông, xã Đur Kmăl	NTD	2,00	Xã Đur Kmăl
B	Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2024		6,20	
264	Dự án Đền bù, GPMB; xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Đông Nam (giai đoạn 5)	DHT	3,40	Thị trấn Buôn Tráp
265	Đường giao thông liên thôn từ thôn Hoà Tây đi buôn Dăm và buôn Knul đi thôn 10/3, xã Ea Bông huyện Krông Ana	DGT	0,85	Xã Ea Bông
266	Đường giao thông liên thôn từ buôn Dăm buôn Ea Kruế, xã Ea Bông huyện Krông Ana	DGT	0,70	Xã Ea Bông
267	Đường giao thông buôn Năc và buôn Ea Kruế, xã Ea Bông huyện Krông Ana	DGT	0,66	Xã Ea Bông
268	Nghĩa địa xã Băng Adrênh	NTD	0,59	Xã Băng Adrênh
X	Huyện Krông Bông		74,36	
A	Công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2023 sang		56,84	
269	Bố trí ổn định dân di cư tự do tại xã Vụ Bồn, huyện Krông Păk - Hạng mục: Cầu vượt sông Krông Bông	DGT	0,70	Xã Hòa Phong
270	Thủy lợi Sơn Phong (điều chỉnh bổ sung)	DTL	0,71	Xã Hòa Phong

271	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 12, đoạn Km 15+500-Km31+00	DGT	3,59	Xã Hòa Lễ, Hòa Phong, Khuê Ngọc Điền, thị trấn Krông Kmar
272	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 9, đoạn Km 0+00 đến Km 20+300	DGT	12,24	Xã Dang Kang, Cư Kty
273	Đường vào khu giãn dân, tái định cư (Buôn Ea Chôr, Buôn Kiều, Buôn Hằng Năm)	DGT	4,25	Xã Yang Mao
274	Trạm bơm cánh đồng Đồi Sơn, xã Khuê Ngọc Điền, huyện Krông Bông	DTL	2,00	Xã Khuê Ngọc Điền
275	Trạm bơm cánh đồng Công Trường, xã Ea Trul, huyện Krông Bông	DTL	1,50	Xã Ea Trul
276	Nút giao đường Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Huệ, thị trấn Krông Kmar	DGT	0,04	Thị trấn Krông Kmar
277	Nối dài các tuyến đường Đinh Núp, đường Điện Biên Phủ, đường Lê Lai, đường Lạc Long Quân (Cây đa), Lê Quý Đôn xuống đường Bờ Kè	DGT	1,91	Thị trấn Krông Kmar
278	Dự án ổn định dân di cư tự do thôn Ea Rớt, xã Cư Pui, huyện Krông Bông	DNT	16,20	Xã Cư Pui
279	Dự án khu dân cư Hồ trung tâm thị trấn Krông Kmar	DTC	13,70	Thị trấn Krông Kmar
B	Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2024		17,52	
280	Nâng cấp đường hẻm 37 Nguyễn Huệ (Đoạn từ Tỉnh lộ 9 đến đường N109 Khu dân cư hồ Trung tâm, thị trấn Krông Kmar	DGT	0,18	Thị trấn Krông Kmar
281	Dự án đường giao thông đối ngoại và đường trục chính Cụm công nghiệp Hòa Sơn, huyện Krông Bông	DGT	0,72	Xã Hòa Sơn
282	Cụm công nghiệp Hòa Sơn, huyện Krông Bông	SKN	16,62	Xã Hòa Sơn
XI	Huyện Krông Búk		86,14	
A	Công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2023 sang		86,14	
283	Tiểu dự án Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Đắk Lắk (vay vốn JICA)	DNL	0,06	Các xã Chư Kbô, Cư Né, Cư Pong
284	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	DNL	0,01	Xã Ea Sin
285	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk sử dụng nguồn vốn Trung ương (GĐ 2), giai đoạn 2015 - 2020	DNL	0,04	Xã Ea Sin
286	Xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật và đường vào công trình Ghi công Liệt sỹ huyện Krông Búk	DGT	0,98	Xã Chư Kbô

287	Các trục đường khu trung tâm hành chính (D6 và N16), huyện Krông Búk	DGT	1,67	Các xã Chư Kbô, Cư Né
288	Công trình Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 29 (đoạn từ QL14 huyện Krông Búk đến xã Krông Na, huyện Buôn Đôn) thuộc Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Lắk (đoạn qua địa bàn huyện Krông Búk)	DGT	0,10	Xã Ea Ngai
289	Bãi xử lý rác thải tập trung huyện Krông Búk	DRA	3,50	Các xã Chư Kbô, Cư Pong
290	Nâng công suất truyền tải ĐZ 110kV TBA 220kV Krông Búk- Buôn Mê Thuột	DNL	0,04	Thị trấn Pong Drang
291	Nhà máy điện gió Buôn Hồ 1	DNL	1,00	Xã Ea Ngai
292	Nâng khả năng truyền tải ĐZ 110kV Krông Búk- Ea H'Leo	DNL	0,45	Thị trấn Pong Drang, xã Cư Né
293	Đường dây điện 220kV Pleiku 2- Krông Búk mạch 2	DNL	1,72	Thị trấn Pong Drang, xã Chư Kbô, Cư Né
294	Dự án đường dây điện 220kV từ Krông Búk-Nha Trang mạch 2, đoạn đi qua địa bàn tỉnh Đắk Lắk	DNL	0,11	Xã Tân Lập, thị trấn Pong Drang
295	Nhà máy điện gió Krông Búk 1	DNL	15,00	Các xã Cư Pong, Chư Kbô
296	Nhà máy điện gió Krông Búk 2	DNL	15,05	Các xã Cư Pong, Chư Kbô
297	Nhà máy điện gió Cư Né 1 (Nhà máy điện gió tại huyện Krông Búk 3)	DNL	7,38	Xã Cư Né
298	Nhà máy điện gió Cư Né 2 (Nhà máy điện gió tại huyện Krông Búk 4)	DNL	15,35	Xã Cư Né
299	Cải tạo và phát triển lưới điện hạ áp trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Đắk Lắk	DNL	0,01	Xã Tân Lập
300	Hạ tầng kỹ thuật viễn thông tự động (5 điểm)	DNL	0,10	Các xã Chư Kbô, Ea Sin, Cư Pong, Tân Lập
301	Đường dây 220kV từ Sông Ba Hạ-Krông Búk	DNL	19,32	Xã Tân Lập, thị trấn Pong Drang
302	Khu ở 1 - Trung tâm huyện Krông Búk	ONT	4,25	Xã Cư Né
XII	Huyện Krông Năng		21,38	
A	Công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2023 sang		21,38	

303	Đường giao thông từ Ea Hồ đi Tam Giang, huyện Krông Năng	DGT	13,10	Các xã Ea Hồ, Phú Lộc và thị trấn Krông Năng
304	Xây dựng mới cầu Km12+900 Tỉnh lộ 3	DGT	0,61	Xã Phú Xuân
305	Đường giao thông trục xã từ trung tâm xã Phú Lộc đến thôn Lộc Tài, thôn Lộc Thạnh, xã Phú Lộc nối với TDP1 thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng	DGT	2,38	Xã Phú Lộc và thị trấn Krông Năng
306	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110KV Krông Năng	DNL	0,16	Thị trấn Krông Năng và các xã Ea Tân, Dliêya, Tam Giang, Ea Tam, Ea Púk, Ea Dăh
307	Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Đăk Lăk (Vay vốn Jica)	DNL	0,07	Thị trấn Krông Năng và các xã Ea Tóh, Ea Hồ, Ea Tam, Phú Xuân, Cư Klông
308	Dự án: Sắp xếp ổn định dân di cư tự do cho đồng bào Mông, xã Ea Dăh, huyện Krông Năng (thuộc hạng mục đầu tư: Đập dâng, kênh mương, đường giao thông)	DNT	5,06	Xã Ea Dăh
XIII	Huyện Krông Pắc		122,03	
A	Công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2023 sang		121,77	
309	Xây dựng trường mẫu giáo Hoà Mi	DGD	0,56	Xã Tân Tiến
310	Nâng cấp Hồ Ea Kuăng	DTL	0,14	Xã Ea Yông
311	Dự án Hồ Krông Pách Thượng Giai đoạn 2	DTL	17,20	Xã Ea Kly, Ea Uy, Vụ Bồn
312	Tiểu dự án Nâng cấp, xây dựng hệ thống thuỷ lợi phục vụ tưới cho cây trồng cận tỉnh Đăk Lăk - Trạm bơm tưới hồ Krông Búk Hạ, nằm trong dự án "Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8)"	DTL	2,42	Xã Krông Búk, Ea Phê
313	Tiểu dự án Nâng cấp, xây dựng hệ thống thuỷ lợi phục vụ tưới cho cây trồng cận tỉnh Đăk Lăk - Trạm bơm tưới hồ Ea Kuăng, nằm trong dự án "Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8)"	DTL	0,12	Xã Ea Yông

314	Dự án Công trình cấp nước liên xã Ea Đar - thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar (hạng mục: xây dựng trạm xử lý nước sinh hoạt đặt ở hạ lưu của hồ Krông Búk Hạ, xã Krông Búk, huyện Krông Pắc)	DTL	1,95	Xã Krông Búk
315	Kè chống sạt lở sông Krông Pách và Xây dựng đê bao ngăn lũ đoạn qua xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc	DTL	17,00	Xã Vụ Bồn, Ea Uy
316	Nâng cấp, sửa chữa Hồ Ông Đồng (Hồ Phước An 3), xã Ea Yông, huyện Krông Pắc	DTL	0,30	Xã Ea Yông
317	Sửa chữa Hồ C9, xã Ea Kly, huyện Krông Pắc	DTL	0,03	Xã Ea Kly
318	Đường giao thông từ xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ đi Km 111+950 Quốc lộ 26 xã Ea Phê, huyện Krông Pắc	DGT	10,44	Xã Ea Phê
319	Cầu Thôn 5 xã Vụ Bồn	DGT	0,02	Xã Vụ Bồn
320	Đường giao thông từ Quốc lộ 26 đi xã Ea Ô, huyện Ea Kar kết nối trung tâm xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc	DGT	2,44	Xã Vụ Bồn, Ea Kly
321	Nâng cấp đường Lê Lai (đoạn từ Hoàng Hoa Thám đến Nguyễn Tri Phương)	DGT	0,47	Thị trấn Phước An
322	Dự án Nâng cấp đường Trần Phú, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc	DGT	0,40	Thị trấn Phước An
323	Đường giao thông quanh bờ hồ, khu du lịch Hồ Tân An, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc (Hạng mục: Đường Tô Hiến Thành)	DGT	9,80	Thị trấn Phước An
324	Nâng cấp đường từ thôn 19, 20 xã Krông Búk đi trung tâm xã Ea Phê	DGT	1,30	Xã Krông Búk
325	Dự án xây dựng đập Yang Blok và hệ thống kênh mương xã Ea Yêng	DTL	11,00	Xã Ea Yêng
326	Khu trung tâm xã Hòa An, huyện Krông Pắc	DHT	12,62	Xã Hòa An
327	Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Đắk Lắk (JICA)	DNL	0,41	Thị trấn Phước An và các xã Ea Yông, Ea Kly, Hòa Tiến, Vụ Bồn, Ea Hiu, Ea Kênh, Hòa An, Krông Búk, Ea Phê, Tân Tiến
328	Đường dây 110 kV TBA 220kV Krông Ana (Cư Kuin) - TBA 110kV Krông Pắc	DNL	0,22	Các xã Ea Yông, Ea Kênh, xã Hòa Đông, xã Ea Knuéc, thị trấn Phước An
329	Quảng trường chính và các hạng mục phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật tại khu công viên trung tâm hồ Tân An, thị trấn Phước An	DVH	3,81	Thị trấn Phước An

330	Bố trí ổn định dân di cư tự do tại xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc (gồm các hạng mục: Cầu vượt sông Krông Bông, xã Vụ Bồn; Công trình hạ tầng kỹ thuật tại khu dân cư 268ha; Tuyến kênh dẫn nước vào cuối tuyến kênh chính Bắc nhánh kênh B35)	DNT	11,60	Xã Vụ Bồn
331	Khu đất 7,4 ha tại khu đô thị Đông Bắc, thị trấn Phước An	DTC	0,50	Thị trấn Phước An
332	Dự án phát triển nhà ở đô thị tại thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	ODT	17,02	Thị trấn Phước An
B	Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2024		0,26	
333	Đường giao thông nội buôn buôn Ea Su	DGT	0,20	Xã Ea Phê
334	Lắp MBA T2 TBA 110 kV Krông Pắc	DNL	0,06	Thị trấn Phước An và các xã Ea Yông, Ea Phê, Hòa An
XIV	Huyện Lắk		69,95	
A	Công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2023 sang		69,95	
335	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	DGD	0,36	Xã Buôn Triết
336	Đường Trường Sơn Đông	DGT	21,00	Xã Bông Krang
337	Hồ chứa nước Yên Ngựa (hạng mục: hồ Buôn Biếp)	DTL	17,84	Xã Bông Krang, xã Yang Tao
338	Đê bao ngăn lũ phía Nam sông Krông Ana.	DTL	14,08	Các xã Buôn Triết, Buôn Tría, Đắk Liêng
339	Đường ven Hồ Lắk đoạn quanh điểm du lịch Buôn Jun	DGT	0,60	Thị trấn Liên Sơn
340	Trạm biến áp 110kv huyện Lắk	DNL	0,77	Xã Đắk Liêng
341	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực trung tâm điểm du lịch Hồ Lắk	DTC	5,20	Thị trấn Liên Sơn
342	Khu đô thị mới dọc đường Lương Thế Vinh	DTC	10,10	Thị trấn Liên Sơn
XV	Huyện M'đrắk		118,05	
A	Công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2023 sang		116,11	
343	Đường Trường Sơn Đông đoạn qua huyện M'Drắk	DGT	6,41	Xã Krông Á, xã Cư San
344	Lòng hồ chứa nước thuộc hợp phần giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư thuộc dự án Hồ chứa nước Krông Pắc Thượng, tỉnh Đắk Lắk	DTL	78,90	Xã Krông Á, xã Cư San

345	Cải tạo và nâng cấp tỉnh lộ 13 đoạn Km6+840- Km 20 + 300	DGT	15,88	Các xã Krông Jing, Ea Lai, Cư Pao
346	Nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 26 đi thôn Ea Bra xã Ea Trang, huyện M'Drắk	DGT	1,79	Xã Ea Trang
347	Đường giao thông nội thị từ Tổ dân phố 8 (nay tổ dân phố 1 mới) đi Tổ dân phố 4 thị trấn M'Drắk, huyện M'Drắk	DGT	1,60	Thị trấn M'Drắk
348	Nâng cấp đường giao thông liên thôn từ buôn M'Jui đi buôn M'O xã Ea Trang, huyện M'Drắk	DGT	2,03	Xã Ea Trang
349	Khu dân cư Bùi Thị Xuân	ODT	9,50	Thị trấn M'drắk
B	Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2024		1,94	
350	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Trang đi Cư San, huyện M'Drắk.	DGT	1,59	Các xã Ea Trang, Cư San
351	Cầu buôn M'Bhao thuộc tuyến đường giao thông từ Thị trấn M'Drắk đi xã Cư Mta và xã Ea Riêng huyện M'Drắk (lý trình tại km 0+680-km 0+836)	DGT	0,35	Xã Cư Mta

Phụ lục II

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ*(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên Dự án	LUA	RPH	RDD	Địa điểm (đến cấp xã)
	Tổng	52,72	0,70		
I	Thị xã Buôn Hồ	0,03			
1	Nâng cấp, cải tạo Hồ Hà Cỏ, phường Bình Tân, thị xã Buôn Hồ	0,03			Phường Bình Tân
II	Huyện Buôn Đôn	0,05			
2	Đường giao thông trục chính vào khu du lịch sinh thái Buôn Đôn, xã Krông Na	0,04			Xã Krông Na
3	Trạm biến áp 110kV Buôn Đôn và đầu nối	0,01			Xã Tân Hòa
III	Huyện Cư Kuin	1,13			
4	Hồ chứa nước Yên Ngựa	1,04			Xã Cư Êwi
5	Dự án xây dựng cầu thác đá, xã Ea Hu	0,04			Xã Ea Hu
6	Đường dây 110 KV Trạm biến áp 220 kV Krông Ana (Cư Kuin) - Trạm biến áp 110 kV Krông Pắc	0,01			Xã Ea Ktur
7	Trạm biến áp 110 kV Krông Bông và đầu nối	0,02			Xã Ea Tiêu, Ea Hu
8	Đường dây 110kV TBA 220kV Krông Ana (Cư Kuin) - trạm 110kV Krông Pắc	0,02			Xã Ea Ktur
IV	Huyện Cư M'gar	0,04			
9	Trạm biến áp 110 kV Ea Súp và đầu nối	0,04			Xã Cư M'gar, Ea M'ngang, Ea Kpam
V	Huyện Ea H'leo	6,69			
10	Hồ Ea Khal 1, 2	0,10			Xã Ea Nam
11	Hồ Ea Znin	0,10			Xã Ea Sol
12	Hệ thống kênh mương hồ Ea H'leo 1	6,49			Xã Ea H'Leo
VI	Huyện Ea Kar	6,41			
13	Đường từ thôn 7, xã Cư Ni đi khu hành chính mới	0,24			Xã Cư Ni, Ea Đar

14	Đường từ trung tâm Khu HC đi hội trường thôn 3, xã Cư Ni	0,63			Xã Cư Ni, Ea Đar
15	Đường thôn 3 Cư Ni đi Khu Trung tâm hành chính	0,36			Xã Cư Ni, Ea Đar
16	Đường tư Quốc lộ 26 (Buôn Sứk) đi thôn 4 xã Cư Ni	0,14			Xã Cư Ni, Ea Đar
17	Đường trục chính lộ giới 36m phía Tây khu HC đi Bà Triệu	0,59			Xã Cư Ni, Ea Đar
18	Khu đô thị Meyhomes - Ea Kar	0,64			Xã Ea Đar
19	Hệ thống công trình tiêu thoát nước khắc phục ngập úng của hệ thống kênh hồ Ea Rót, thuộc hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư dự án hồ chứa nước Krông Pách Thượng	0,20			Xã Cư Elang
20	Hạng mục Kênh DN1-2, thuộc hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư dự án hồ chứa nước Krông Pách Thượng	0,15			Xã Cư Elang
21	Đường D5, N4 khu TTHC mới huyện Ea Kar	0,05			Xã Ea Đar
22	Nghĩa trang thôn Ninh Thanh 1, xã Ea Kmút	1,50			Xã Ea Kmút
23	Trạm bơm hồ đôi 500 - Tiểu dự án Nâng cấp, xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ tưới cho cây trồng cận tỉnh Đắk Lắk, Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán - WEIDAP/ADB8	0,11			Xã Xuân Phú
24	Khu Tái định cư số 2 thuộc hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư thuộc Dự án Hồ chứa nước Krông Pách Thượng	1,80			Xã Cư Bông
VII	Huyện Ea Súp	19,19	0,70		
25	Nâng cấp, kiên cố hệ thống kênh nhánh của kênh chính Đông và kênh chính Tây công trình thủy lợi Ea Súp	0,04			Xã Ea Lê, Ea Rốc
26	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên huyện Cư M'gar - Ea Súp		0,70		Thị trấn Ea Sup, xã Cư Mlan
27	Đường giao thông nối từ ngã ba Quảng Đại, xã Ea Rốc đi Quốc lộ 14C, huyện Ea Súp	0,02			Xã Ea Rốc, Ya Tờ Mốt
28	Gói thầu số 41A thuộc Dự án công trình thủy lợi Hồ chứa nước Ea Súp Thượng, hợp phần hệ thống kênh chính Tây, hạng mục kênh và công trình kênh cấp 1 có F tưới < 150 ha đến mặt ruộng	0,74			Xã Ia RVê
29	Gói thầu số 41B thuộc Dự án công trình thủy lợi Hồ chứa nước Ea Súp Thượng, hợp phần hệ thống kênh chính Tây, hạng mục kênh và công trình kênh cấp 1 có F tưới < 150 ha đến mặt ruộng	0,94			Xã Ia RVê

30	Kiên cố hóa kênh N26, xã Ea Rôk, thuộc hệ thống kênh chính Đông, công trình thủy lợi Ea Súp thượng, huyện Ea Súp	0,31			Xã Ea Rôk
31	Di dân khẩn cấp vùng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất cụm dân cư thôn 4, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 10 và thôn 12 xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp	3,08			Xã Ya Tờ Mốt, Ea Bung
32	Đường giao thông Cụm công nghiệp Ea Lê, huyện Ea Súp	1,47			Xã Ea Lê
33	Dự án: Mở rộng, nâng cấp đường liên xã từ trung tâm thị trấn Ea Súp đi xã Ea Bung, huyện Ea Súp	0,18			Thị trấn Ea Súp, xã Ea Bung
34	Đường thi công kết hợp quản lý và đường điện thuộc các xã Cư Kbang, Ea Lê (GD 1)	0,05			Xã Cư Kbang, Ea Lê
35	Hồ chứa nước Ia Mơr giai đoạn 2, có vùng tưới (Ft) > 150 ha (hoàn thiện hệ thống kênh)	9,96			Xã Ia Lốp
36	Hệ thống kênh và CTKC có (Ft) < 150 ha (địa bàn tỉnh Đăk Lăk) thuộc dự án công trình Ia Mơr giai đoạn 2	1,21			Xã Ia Lốp
37	Trạm biến áp 110 kV Ea Súp và đầu nối	0,13			Xã Cư M'lan
38	Nhà máy tinh bột sản xuất khẩu	0,84			Xã Ia RVê
39	Trụ sở Công an xã Ya Tờ Mốt	0,21			Xã Ya Tờ Mốt
VIII	Huyện Krông Ana	5,71			
40	Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 2 đoạn Km6+431 - Km22+550	0,04			Xã Dray Sáp
41	Hệ thống trạm bơm và công trình thủy lợi Dur Kmăl, xã Dur Kmăl huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk	2,70			Xã Dur Kmăl
42	Xây dựng dự án TBA 110Kv Lăk và đầu nối	0,03			Thị trấn Buôn Trấp
43	Đường giao thông cánh đồng Tháng 10 thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana	1,40			Thị trấn Buôn Trấp
44	Xây dựng trạm bơm buôn trấp 6 và hệ thống kênh tưới khu vực Thác Đá, thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana	0,50			Thị trấn Buôn Trấp
45	Xây dựng trạm bơm Buôn Trấp 5 và hệ thống kênh tưới cánh đồng tháng 10, huyện Krông Ana	0,60			Thị trấn Buôn Trấp
46	Đường giao thông liên thôn từ buôn Dhăm buôn Ea Kruế, xã Ea Bông huyện Krông Ana	0,44			Xã Ea Bông
IX	Huyện Krông Búk	0,95			
47	Hồ Ea Bơ 2	0,95			Xã Cư Pong, Ea Sin

X	Huyện Krông Năng	0,04			
48	Đường giao thông trục xã từ trung tâm xã Phú Lộc đến thôn Lộc Tài, thôn Lộc Thanh, xã Phú Lộc nối với TDP1 thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng	0,04			Xã Phú Lộc, thị trấn Krông Năng
XI	Huyện Krông Pắc	2,67			
49	Dự án Hồ Krông Pách Thượng Giai đoạn 2	2,63			Xã Ea Kly, Ea Uy, Vụ Bồn
50	Tiểu dự án Nâng cấp, xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ tưới cho cây trồng cận tỉnh Đăk Lăk - Trạm bơm tưới hồ Ea Kuăng, nằm trong dự án "Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8)"	0,01			Xã Ea Yông
51	Tiểu dự án Nâng cấp, xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ tưới cho cây trồng cận tỉnh Đăk Lăk - Trạm bơm tưới hồ Krông Búk Hạ, nằm trong dự án "Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8)"	0,03			Xã Krông Búk, Ea Phê
XII	Huyện M'đrăk	9,81			
52	Khu dân cư Bùi Thị Xuân	9,50			Thị trấn M'đrăk
53	Dự án cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Trang đi Cư San, huyện M'Đrăk.	0,21			Xã Ea Trang, Cư San
54	Cầu buôn M'Bhao thuộc tuyến đường giao thông từ Thị trấn M'Đrăk đi xã Cư Mta và xã Ea Riêng huyện M'Đrăk (lý trình tại km 0+680-km 0+836).	0,10			Xã Cư Mta

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: congbao@daklak.gov.vn

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: đồng